

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. N
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Bản án số 09/2025/HNGĐ - ST
Ngày 01/4/2025
V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn
2. Ông Huỳnh Bá Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trịnh Ngọc Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 01/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N - Số B C, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 73/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 73a/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Minh H1, sinh năm 1961. Nơi cư trú: K N, tổ H phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

* *Bị đơn:* Ông Bùi Văn C, sinh năm 1961. Nơi cư trú: K N, tổ H phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn - bà Phan Thị Minh H1 trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi và ông Bùi Văn C kết hôn năm 1987, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ H, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp nên vợ chồng có nhiều bất hoà, không còn phù hợp nhau về mọi mặt, không còn tình cảm gì với nhau nên đã sống ly thân từ khoảng tháng 4/2024 đến nay.

Nay tôi xác định tôi không còn yêu thương ông Bùi Văn C nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Bùi Văn C.

- *Về con chung*: Tôi xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Minh H3, sinh ngày: 12/4/1990 và Bùi Văn T1, sinh ngày: 27/02/1997. Hiện nay hai con Bùi Thị Minh H3 và Bùi Văn T1 đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường nên tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết, để vợ chồng tự thoả thuận;

- *Về nợ chung*: Tôi xác định vợ chồng không có nợ chung.

* Ông Bùi Văn C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông không đến Tòa nên không thu thập được lời khai của ông trong quá trình tố tụng, ông cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là bà Phan Thị Minh H1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn là ông Bùi Văn C liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của bà Phan Thị Minh H1 đối với ông Bùi Văn C.

- *Về con chung*: Hiện nay hai con của ông bà là Bùi Thị Minh H3, sinh ngày: 12/4/1990 và Bùi Văn T1, sinh ngày: 27/02/1997 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không đề cập không giải quyết.

- *Về tài sản chung*: bà Phan Thị Minh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết, để vợ chồng tự thoả thuận nên không đề cập giải quyết.

- Về nợ chung: bà Phan Thị Minh H1 xác định vợ chồng không có nợ chung, ông Bùi Văn C lại vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết về nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị Minh H1 đối với ông Bùi Văn C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là ông Bùi Văn C vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Minh H1 và ông Bùi Văn C tự nguyện kết hôn năm 1987, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ) (Giấy chứng nhận kết hôn số 85 quyển số 02, ngày 16/09/1987). Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Minh H1, thì thấy:

Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Bùi Văn C vắng mặt, không thu thập được lời khai của ông nhưng qua xác minh được biết cuộc sống của vợ chồng ông bà không hạnh phúc. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bà H1 cùng các con đã đi ở chỗ khác, còn ông C vẫn sống một mình tại nhà K N, tổ H, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Điều này phù hợp với lời trình bày của bà Phan Thị Minh H1 về mâu thuẫn vợ chồng và việc ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai vợ chồng đến Tòa để hòa giải nhằm tạo điều kiện cho ông bà có cơ hội cải thiện tình cảm nhưng ông Bùi Văn C thường xuyên vắng mặt, chứng tỏ ông cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, HĐXX xét thấy, việc ông bà chọn giải pháp sống ly thân đã chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì không đạt được mục đích nên cần căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Minh H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: bà Phan Thị Minh H1 xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Minh H3, sinh ngày: 12/4/1990 và Bùi Văn T1, sinh ngày: 27/02/1997. Hiện nay hai

con Bùi Thị Minh H3 và Bùi Văn T1 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: bà Phan Thị Minh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về nợ chung: bà Phan Thị Minh H1 xác định vợ chồng không có nợ chung, ông Bùi Văn C lại vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự HĐXX không xem xét giải quyết về nợ chung.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” thì bà Phan Thị Minh H1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Phan Thị Minh H1 đã nộp tại biên lai thu số 0003473 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận N .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Minh H1 đối với ông Bùi Văn C.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Minh H1 được ly hôn với ông Bùi Văn C (Giấy chứng nhận kết hôn số 85 quyển số 02, do Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ) cấp ngày 16/09/1987 không còn giá trị pháp lý).

2. Về án phí: bà Phan Thị Minh H1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Phan Thị Minh H1 đã nộp tại biên lai thu số 0003473 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận N.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát quận N;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Hoà Hiệp N/Hoà Hiệp B, quận L, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa

